

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Bảo hiểm Viễn Đông.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Bảo hiểm Viễn Đông và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Bảo hiểm Viễn Đông;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Bảo hiểm Viễn Đông phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo hiểm Viễn Đông. Bảo hiểm Viễn Đông có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác.

Điều 39. Người điều hành Bảo hiểm Viễn Đông

1. Người điều hành Bảo hiểm Viễn Đông bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do HĐQT quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Bảo hiểm Viễn Đông theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Bảo hiểm Viễn Đông và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 81 và Điều 82 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15:
 - a. Có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước

thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.

- c. Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp;
 - d. Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, trong đó có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài;
 - e. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
 - f. Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam;
 - g. Chỉ được kiêm nhiệm tối đa Giám đốc của 01 chi nhánh hoặc Trưởng 01 văn phòng đại diện hoặc Trưởng 01 bộ phận nghiệp vụ của cùng một doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo hiểm Viễn Đông; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
 3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.
 4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Quyết định thành lập các phòng, ban kinh doanh trực thuộc.
 - f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Trưởng bộ phận nghiệp vụ trực thuộc trụ sở chính và Giám đốc các đơn vị kinh doanh, văn phòng đại diện trên cơ sở đã được HĐQT phê duyệt;
 - g. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Bảo hiểm Viễn Đông, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - h. Tuyển dụng lao động;
 - i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j. Nhiệm vụ :
 - Chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo cho HĐQT và ĐHCĐ khi được yêu cầu;
 - Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính theo qui chế quản lý tài chính của Bảo Hiểm Viễn Đông trong năm;
 - Tổ chức, thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Bảo Hiểm Viễn Đông do HĐQT thông qua;
 - Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;

- Thực hiện những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Bảo Hiểm Viễn Đông;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT.
5. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 41. Bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám Đốc

1. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây :
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Điều lệ này;
 - b. Từ chức;
 - c. Theo quyết định của HĐQT;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và của Bảo Hiểm Viễn Đông.
2. Khi Tổng giám đốc xin từ chức phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày nhận được đơn, HĐQT họp, xem xét và quyết định.
3. Trường hợp Tổng giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, HĐQT phải công bố bằng văn bản về việc này và đề cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa ba mươi ngày kể từ ngày công bố, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 42. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 31 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Bảo hiểm Viễn Đông và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Bảo hiểm Viễn Đông là ba đến năm người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.
5. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 5 Điều 82 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 và Điều 26 Nghị định 46/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, cụ thể:

- a. Có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.
- c. Có bằng từ đại học trở lên của một trong các chuyên ngành bảo hiểm, kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
- d. Có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.
- e. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác. Việc xác định người có quan hệ gia đình thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
- f. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- g. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- h. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 44. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn của Trưởng Ban Kiểm soát

Trưởng Ban Kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát và các điều kiện sau:

- a. Có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có tối thiểu 03 năm giữ một trong các vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; kiểm soát viên có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.
- b. Không được đồng thời là Kiểm soát viên, người quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động tại Việt Nam.

3. Trưởng BKS có trách nhiệm phân công thành viên BKS phụ trách từng loại công việc kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của BKS.
4. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Bảo hiểm Viễn Đông; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Bảo hiểm Viễn Đông, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Bảo hiểm Viễn Đông, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị khi có yêu cầu hoặc khi cần thiết.
7. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Bảo hiểm Viễn Đông lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Bảo hiểm Viễn Đông trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Bảo hiểm Viễn Đông.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát và gửi một bản đến HĐQT.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 47. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Bảo hiểm Viễn Đông theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Bảo hiểm Viễn Đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Bảo hiểm Viễn Đông.

Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Bảo hiểm Viễn Đông.
3. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bảo hiểm Viễn Đông bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Bảo hiểm Viễn Đông là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Bảo hiểm Viễn Đông ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Bảo hiểm Viễn Đông, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Bảo hiểm Viễn Đông trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Bảo hiểm Viễn Đông.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Bảo hiểm Viễn Đông, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Bảo hiểm Viễn Đông vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Bảo hiểm Viễn Đông phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ của công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Bảo hiểm Viễn Đông.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 51. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê duyệt các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với các chức danh quản lý công ty.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Bảo hiểm Viễn Đông với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Bảo hiểm Viễn Đông và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 52. Lợi nhuận

1. Lợi nhuận của Bảo Hiểm Viễn Đông là khoản chênh lệch được xác định giữa tổng doanh thu trừ tổng chi phí của Bảo Hiểm Viễn Đông.
2. Tổng lợi nhuận của Bảo Hiểm Viễn Đông là số tổng cộng lợi nhuận về các hoạt động sau:
 - a. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm;
 - b. Hoạt động tài chính;
 - c. Hoạt động khác.

3. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, trích lập quỹ dự trữ bắt buộc và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, Bảo Hiểm Viễn Đông sẽ trích lập các quỹ và sử dụng số lợi nhuận còn lại như sau:

- a. Quỹ phát triển kinh doanh;
- b. Quỹ phúc lợi;
- c. Quỹ khen thưởng;
- d. Quỹ khác theo quy định của công ty, của pháp luật.

Tỷ lệ trích lập quỹ theo đúng quy định của pháp luật sẽ thông qua ĐHĐCĐ quyết định trong phiên họp thường kỳ hàng năm.

Điều 53. Phân phối lợi nhuận

1. ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Bảo hiểm Viễn Đông.
2. Bảo hiểm Viễn Đông không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Bảo hiểm Viễn Đông phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Bảo hiểm Viễn Đông đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Bảo hiểm Viễn Đông không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Bảo hiểm Viễn Đông đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 54. Tài khoản ngân hàng

1. Bảo hiểm Viễn Đông mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Bảo hiểm Viễn Đông có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Bảo hiểm Viễn Đông tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Bảo hiểm Viễn Đông mở tài khoản.

Điều 55. Năm tài chính

Năm tài chính của Bảo hiểm Viễn Đông bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

Điều 56. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Bảo hiểm Viễn Đông sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Bảo hiểm Viễn Đông lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Bảo hiểm Viễn Đông.
3. Bảo hiểm Viễn Đông sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Bảo hiểm Viễn Đông có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 57. Ký quỹ, quỹ dự trữ bắt buộc

1. Bảo hiểm Viễn Đông sử dụng 2% vốn pháp định để ký quỹ tại ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam theo quyết định của HĐQT. Khoản tiền ký quỹ này được Bảo hiểm Viễn Đông sử dụng theo quy định của pháp luật.
2. Bảo hiểm Viễn Đông lập quỹ dự trữ bắt buộc theo quy định của pháp luật để bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích hàng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi đạt tới mức 10% vốn điều lệ.
3. ĐHĐCĐ có thể quyết định lập các quỹ dự trữ khác tùy theo nhu cầu phát triển của Bảo hiểm Viễn Đông.

Điều 58. Quỹ và dự phòng nghiệp vụ

Trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, Bảo hiểm Viễn Đông trích lập các quỹ và dự phòng nghiệp vụ từ phí bảo hiểm của từng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính như sau:

1. Dự phòng phí chưa được hưởng:

Sử dụng để bồi thường cho trách nhiệm sẽ phát sinh trong thời gian còn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm trong năm tiếp theo.

2. Dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết:

Sử dụng để bồi thường cho những tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại hoặc đã khiếu nại nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết phải chuyển sang năm tiếp theo.

3. Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất:

Sử dụng để bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất hoặc tổn thất lớn xảy ra mà tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính sau khi đã trích lập quỹ dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phần trách nhiệm giữ lại của Bảo hiểm Viễn Đông.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 59. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Bảo hiểm Viễn Đông phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Bảo hiểm Viễn Đông.
3. Bảo hiểm Viễn Đông phải lập các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật.
4. Bảo hiểm Viễn Đông thực hiện công khai các báo cáo tài chính trên trang thông tin điện tử của công ty theo quy định pháp luật.

XVI. KIỂM TOÁN

Điều 60. Kiểm toán

1. ĐHĐCĐ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Bảo hiểm Viễn Đông cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Bảo hiểm Viễn Đông.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Bảo hiểm Viễn Đông được tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Bảo hiểm Viễn Đông.

XVII: CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 61. Đối tượng và phương thức công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin của Bảo hiểm Viễn Đông phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện qua website của Công ty và các phương tiện thông tin đại chúng tùy từng trường hợp theo quy định pháp luật.

Điều 62. Công bố thông tin

Bảo hiểm Viễn Đông công bố thông tin định kỳ, thường xuyên hoặc bất thường trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Doanh nghiệp.

XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 63. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. HĐQT quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Bảo hiểm Viễn Đông, chi nhánh, văn phòng đại diện của Bảo hiểm Viễn Đông (nếu có).
3. HĐQT, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 64. Giải thể công ty

1. Bảo hiểm Viễn Đông có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ của công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 65. Gia hạn hoạt động

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Bảo hiểm Viễn Đông theo đề nghị của HĐQT.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tán thành.

Điều 66. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và 01 thành viên do HĐQT chỉ định từ 01 Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Bảo hiểm Viễn Đông hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Bảo hiểm Viễn Đông ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Bảo hiểm Viễn Đông trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Bảo hiểm Viễn Đông;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Bảo hiểm Viễn Đông, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với công ty;
 - b. Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
3. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền.
4. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 68. Điều lệ của Bảo hiểm Viễn Đông

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Bảo hiểm Viễn Đông chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Bảo hiểm Viễn Đông.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 69. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 mục, 69 điều được ĐHĐCĐ Bảo hiểm Viễn Đông nhất trí thông qua ngày 29 tháng 04 năm 2025 tại Đại hội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Bảo hiểm Viễn Đông.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Bảo hiểm Viễn Đông.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ của Bảo hiểm Viễn Đông có giá trị khi có chữ ký của người đại diện theo pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**BẢNG TỔNG HỢP NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG**

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Bảo hiểm Viễn Đông và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này; b. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; d. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; e. Ngày thành lập là ngày Bảo hiểm Viễn Đông được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu; f. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty; g. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Bảo hiểm Viễn Đông, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty; h. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Bảo hiểm Viễn Đông và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này; b. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; d. Ngày thành lập là ngày Bảo hiểm Viễn Đông được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu; e. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty; f. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Bảo hiểm Viễn Đông, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty; g. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

	l. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Bảo hiểm Viễn Đông; j. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Bảo hiểm Viễn Đông; k. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán; l. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Bảo hiểm Viễn Đông được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của công ty thông qua; m. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con. n. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Bảo hiểm Viễn Đông sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính. o. Thông tin cổ đông là các thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 122 Luật Doanh Nghiệp. p. Bảo hiểm Viễn Đông được hiểu là Công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông q. HĐQT là viết tắt của Hội đồng Quản trị. r. ĐHĐCĐ là viết tắt của Đại hội đồng Cổ đông. s. BKS là viết tắt của Ban Kiểm soát.	h. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Bảo hiểm Viễn Đông; i. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Bảo hiểm Viễn Đông; j. Cổ đông lớn là cổ đông cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Bảo hiểm Viễn Đông; k. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Bảo hiểm Viễn Đông được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của công ty thông qua; l. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Bảo hiểm Viễn Đông sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính. m. Thông tin cổ đông là các thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 122 Luật Doanh Nghiệp. n. Bảo hiểm Viễn Đông được hiểu là Công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông o. HĐQT là viết tắt của Hội đồng Quản trị. p. ĐHĐCĐ là viết tắt của Đại hội đồng Cổ đông. q. BKS là viết tắt của Ban Kiểm soát.
2	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật Bảo hiểm Viễn Đông có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm: - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc được thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật Bảo hiểm Viễn Đông có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm: - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc được thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. <i>Mỗi người đại diện theo pháp luật của công ty đều là đại diện đủ thẩm quyền của Công ty trước bên thứ ba.</i>